

Số: 80/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 23 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 và Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 53/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau:

1. Chị Lê Thị Ái Á, sinh năm 1996; số định danh cá nhân 064196001502; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, thành phố H;
2. Anh Lê Bá T, sinh năm 1993; số định danh cá nhân 046093000718; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ái Á và anh Lê Bá T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã B, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2015. Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận mâu thuẫn đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần công nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Ái Á và anh Lê Bá T xác định vợ chồng có 01 người con chung là Lê Tường V, sinh ngày 30/01/2015. Chị Á và anh T thỏa thuận giao cháu V cho chị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Bá T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/01 tháng. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận.

[3] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị Lê Thị Ái Á và anh Lê Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Lê Thị Ái Á và anh Lê Bá T thỏa thuận chị Á chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là tự nguyện, có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ái Á và anh Lê Bá T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu là Lê Tường V, sinh ngày 30/01/2015 cho chị Lê Thị Ái Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Bá T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi cháu Lê Tường V với số tiền 5.000.000 đồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Tường V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Lê Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị Lê Thị Ái Á và anh Lê Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Ái Á thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng nhưng trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000517 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; chị Á đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Bình Điện;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Phan Sang